

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S.L
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:41/2023/HS-ST
Ngày 24-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.L, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Dương Mạnh Cg - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh ngày 07/6/1986 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: tổ dân phố B.L, thị trấn T.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1961 và bà Vũ Thị K, sinh năm 1964; có vợ là Triệu Thị Hình năm 1988 và 02 con: lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; được tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Đình T, sinh năm 1962; nơi cư trú: thôn L G, xã N.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

2. Anh Trần Văn D, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn H Đ, xã N.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

3. Anh Nguyễn Văn Cg, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn K T, xã T.Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

4. Anh Không Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Đ M, xã Đ.Q, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

5. Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1982; nơi cư trú: TDP Bình Lạc, TT T.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/4/2023, Lê Văn C, ở tổ dân phố B.L, thị trấn T.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc đang ở nhà thì nhận được tin nhắn của Lê Đình T, ở xã N.S, huyện S.L dùng tài khoản zalo “Ông T” nhắn tin vào tài khoản zalo của C là “Ducchinh” mua các số đề gồm: Dây 04 là 60.000.đồng/1 số; tổng 3 gồm các số: 03, 30, 12, 21, 49, 94, 58, 85, 67, 76 mỗi số là 50.000đồng; tổng 4 số gồm các số: 04, 45, 13, 31, 22, 59, 95, 68, 86, 77 mỗi số là 50.000đồng; đề 40, 04, 59, 95 mỗi số là 150.000đồng; đuôi 4 gồm các số 04, 14, 24, 34, 44, 54, 64, 74, 84, 94 mỗi số là 30.000đồng; 49, 94, 04, 40, 14, 41, 13, 31, 24, 42, 29, 92, 47, 74, 23, 32, 87, 78 mỗi số là 50.000đồng. C đồng ý bán nên nhắn tin lại “Ok”. Tổng số tiền T mua các số đề của C là 3.060.000đồng (T đã thanh toán cho C).

Đến khoảng 17 giờ 15 phút cùng ngày có Nguyễn Văn Cg, ở xã T.Đ, huyện S.L.T, tỉnh Vĩnh Phúc sử dụng tài khoản zalo “CThanh” nhắn tin vào tài khoản zalo của C mua các số lô gồm: lô 11, 99, 69 mỗi số là 10 điểm; 51, 29, 92, 96 mỗi số là 5 điểm, C đồng ý nên nhắn lại là “OK”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Cg tiếp tục nhắn tin mua của C số lô 80 là 10 điểm, C nhắn lại là “Ok”. Tổng số tiền Cg mua các số lô của C là 1.350.000đồng (Cg chưa thanh toán cho C).

Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày có Trần Văn D, ở thôn H Đ, xã N.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc sử dụng tài khoản zalo “D Kẹo” nhắn tin vào tài khoản zalo của C mua các số lô gồm: lô 75, 99, 23, 32, 19, 91 mỗi số là 5 điểm; số đề 85, 32, 19 mỗi số là 20.000 đồng, C đồng ý nên nhắn tin lại là “Ok”. Tổng số tiền mà D mua các số lô, số đề của C là 720.000đồng (D đã thanh toán cho C).

Cùng lúc này có Không Văn H, ở thôn Đ M, xã Đ.Q, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc sử dụng tài khoản zalo “H Hằng” nhắn tin vào tài khoản zalo của C mua các số đề gồm: Đề ba càng 087, 017, 029, 051, 024, 092, 097 mỗi số là 10.000đồng; 629, 022, 251, 047, 074, 042, 079, 622 mỗi số là 5.000đồng; đề 05, 52, 55, 00, 01, 08, 11, 18, 21, 51, 58, 81, 88, 98 mỗi số là 10.000đồng; 28, 97, 90, 12, 21, 87, 17, 54 mỗi số là 20.000đồng; 47, 74, 78, 71, 47, 84, 03, 56, 15, 51, 06, 86, 25, 52, 96 mỗi số là 10.000đồng; 39, 34, 43, 89, 98, 75, 27, 72, 16, 61, 49, 94, 30, 14, 41, 48, 84, 65, 60 mỗi số là 5.000đồng; 29, 92, 93, 59, 95, 36, 63, 46, 64, 99, 83, 03, 93, 18, 81, 62, 22, 16 mỗi số là 10.000đồng; 39, 59, 95, 94, 92, 73, 37, 38, 39, 60, 70, 79, 78, 18, 81, 04, 04, 40 mỗi số là 5.000đồng; 87, 89, 98, 01, 10, 12, 21, 97, 02, 20, 07, 06, 23, 32, 93, 59, 95, 89, 98 mỗi số là 5.000đồng; 03, 83, 89, 39, 23, 59, 13, 19, 93, 99, 90, 91, 90, 92, 95, 98, 94, 35, 53, 22, 11 mỗi số là 15.000đồng, C đồng ý và nhắn tin lại “Ok”. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày H tiếp tục nhắn tin mua các số lô, số đề của C gồm: đề 28, 04 mỗi số là 50.000đồng; 43, 68 mỗi số là 40.000đồng; 82 là 20.000đồng; 34 là 15.000đồng; lô 70, 89, 95 mỗi số là 5 điểm, C nhắn lại “Ok”. Tổng số tiền H mua các số lô, số đề trên của C là 1.500.000đồng (H chưa thanh toán cho C).

Đến khoảng 17 giờ 55 phút cùng ngày, có Nguyễn Trung N, ở cùng tổ dân phố

B.L đến gặp C mua các số lô, C đồng ý. N đọc các số lô gồm: 51 là 50 điểm, 15 là 30 điểm, 14 là 20 điểm, 26 là 30 điểm, 70 là 20 điểm, C ghi lại các số lô N vừa đọc vào 01 tờ giấy A4, tổng số tiền mà N mua các số lô của C là 3.450.000đồng (Nguyên đã thanh toán cho C). Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày thì C bị Cơ quan Công an huyện S.L kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra, C, T, Cg, D, H, N đều khai nhận thống nhất mức sát phạt trúng lô, đề là: Kết quả lô, đề căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào 18 giờ 30 phút hàng ngày để làm căn cứ xác định thắng hay thua. Số đề là số các con bạc mua đối chiếu với hai số cuối giải “đặc biệt”; số lô là số các con bạc mua đối chiếu với hai số cuối của tất cả các giải mở thưởng; đánh ba càng là so ba số cuối của giải “đặc biệt”. Nếu có số đề, số lô, số ba càng nào trùng thì con bạc đó thắng, nếu không có số nào trùng (không trúng) thì sẽ mất số tiền đã mua. Mức thắng thua cụ thể: Một số lô tương ứng với số tiền người mua phải bỏ ra là 22.500đồng, nếu không trúng thì người mua mất 22.500đồng, nếu trúng thì người mua được trả 80.000đồng/1 số. Một số đề tương ứng với số tiền người mua phải bỏ ra là 750đồng, nếu không trúng thì người mua mất 750đồng, nếu trúng thì người mua được trả 70.000đồng/1 số. Một số ba càng tương ứng với số tiền người mua phải bỏ ra là 1000đồng, nếu không trúng thì người mua mất 1000đồng, nếu trúng thì người mua được trả 400.000đồng/1 số.

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền Lê Đình T, Nguyễn Văn Cg, Trần Văn D, Khổng Văn H và Nguyễn Trung N sử dụng để mua số lô, số đề của Lê Văn C là 10.080.000đồng (trong đó T là 3.060.000đồng, Cg là 1.350.000đồng, D là 720.000đồng, H là 1.500.000đồng, N là 1.450.000đồng).

Về vật chứng của vụ án gồm có: Số tiền 10.080.000đồng (trong đó có 7.230.000đồng do bị cáo tự nguyện giao nộp, 2.850.000 đồng do Nguyễn Văn Cg và Khổng Văn H giao nộp); 01 tờ giấy A4 có ghi các số lô, số đề; 01 chiếc bút bi màu xanh; 05 chiếc điện thoại di động trong đó: 01 chiếc Samsung A12 của bị cáo C, 01 chiếc Iphone 6 của Trần Văn D, 01 chiếc Samsung A03S của Khổng Văn H, 01 chiếc Samsung của Nguyễn Văn Cg, 01 chiếc Oppo F1S của Lê Đình T.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSSL ngày 28/6/2023, Viện kiểm sát nhân huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Lê Văn C về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.L luận tội, giữ N quyết định truy tố đối với Lê Văn C như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Đánh bạc”; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo C từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo làm nghề tự do thu nhập không ổn định vì vậy không áp hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Đề nghị xử lý vật chứng theo qui định của pháp luật

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Viện kiểm sát nhân huyện S.L đã truy tố. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 55 phút ngày 06/4/2023, tại nhà ở thuộc tổ dân phố B.L, thị trấn T.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc, Lê Văn C có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, đề trực tiếp và qua tài khoản tin nhắn Zalo cho Lê Đình T số tiền 3.060.000đồng, Nguyễn Văn Cg số tiền 1.350.000đồng, Trần Văn D, số tiền 720.000đồng, Khổng Văn H, số tiền 1.500.000đồng và Nguyễn Văn N số tiền 3.450.000đồng thì bị Công an huyện S.L phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc của Lê Văn C là 10.080.000đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn C đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định như sau: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là tảo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý Nhà nước về trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây ra dư luận bất bình trong Nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức pháp luật và năng lực điều

khuyến hành vi, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, đánh bạc trái phép ngay giữa ban ngày với số tiền dùng vào việc đánh bạc tổng cộng là 10.080.000đồng. Vì vậy, bị cáo Lê Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

3. Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Lê Văn C để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy chỉ cần xử phạt bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của C quyền địa phương, như vậy cũng đủ điều kiện để bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

4. Về hình phạt bổ sung: bị cáo làm nghề tự do thu nhập không ổn định vì vậy không áp hình phạt bổ sung đòi với bị cáo

5. Về xử lý vật chứng: Số tiền 10.080.000đồng (trong đó có 7.230.000đồng do bị cáo tự nguyện giao nộp; 2.850.000 đồng do Nguyễn Văn Cg và Khổng Văn H giao nộp) là số tiền sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

01 tờ giấy A4 có ghi các số lô, số đề là tài liệu chứng minh tội phạm nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

01 chiếc bút bi màu xanh là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

05 Chiếc điện thoại di động trong đó: 01 chiếc Samsung A12 của bị cáo C, 01 chiếc Iphone 6 của Trần Văn D, 01 chiếc Samsung A03S của Khổng Văn H, 01 chiếc Samsung của Nguyễn Văn Cg, 01 chiếc Oppo F1S của Lê Đình T đều liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước.

6. Đối với Lê Đình T, Nguyễn Văn Cg, Trần Văn D, Khổng Văn H và Nguyễn Trung N đều đánh bạc dưới 5.000.000đồng, không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên lần vi phạm này không thuộc các trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 07/6/2023, Công an huyện S.L đã quyết định xử phạt hành C đối với T, Cg, D, H và N bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 350.000đồng là đúng quy định của pháp luật.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử vắng mặt.

8. Về án phí: bị cáo Lê Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn C, phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01(một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân thị trấn T.S, huyện S.L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 10.080.000đồng; 05 chiếc điện thoại di động trong đó: 01 chiếc Samsung A12 của Lê Văn C, 01 chiếc Iphone 6 của Trần Văn D, 01 chiếc Samsung A03S của Khổng Văn H, 01 chiếc Samsung của Nguyễn Văn Cg, 01 chiếc Oppo F1S của Lê Đình T.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bút bi màu xanh.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2023 giữa Công an huyện S.L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.L).

Lưu trữ trong hồ sơ vụ án 01 tờ giấy A4 có ghi các số lô, số đề.

Về án phí: Áp dụng; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện S.L;
- Công an huyện S.L;
- THADS huyện S.L;
- UBND thị trấn T.S;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

Trần Văn Sơn

